

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ GIÁO
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2021/HNGĐ-ST

Ngày 09/6/2021

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Kim Niệm;

Bà Lê Thị Phương Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thu Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Đình Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 420/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị Thu T, sinh năm 1984; (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 186, tổ 3, ấp 1A, xã PH, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Ông Phan Văn T1, sinh năm 1984; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 19, tổ 1, khu phố 9, thị trấn P, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn bà Trương Thị Thu T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phan Văn T1 tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 06 tháng 6 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Sau khi kết hôn, thời gian đầu chung sống với nhau rất hạnh phúc nhưng sau đó không hạnh phúc nữa. Nguyên nhân mâu thuẫn: Hai vợ chồng thường bất đồng quan điểm và hay cãi nhau, không hợp nhau. Tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, không còn hàn gắn được nữa. Hiện tại, bà và ông T1 không còn chung sống với nhau, cuộc sống hai vợ chồng không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân

không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài. Vì vậy, bà quyết định ly hôn với ông Phan Văn T1.

- Về con chung: Ông T1 và bà T có 02 con chung tên Phan Hoàng Nhật T2, sinh ngày 09/9/2015 và Phan Ngọc Thủy T3, sinh ngày 20/10/2012. Hiện tại, cháu Nhật T2 và Thủy T4 đang sống cùng bà T. Nếu được Tòa án cho ly hôn với ông T1, bà xin được quyền nuôi con Nhật T2 và không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu Thủy T4, bà xin tôn trọng quyền quyết định của con, nếu con có nguyện vọng được sống cùng bà, bà không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn bà Trương Thị Thu T có đơn xét xử vắng mặt, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Phan Văn T1 đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần để làm việc, tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử không thể xem xét ý kiến của bị đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục và thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Thu T và ông Phan Văn T1 chung sống với nhau có đăng ký kết hôn nên hôn nhân giữa bà T và ông T1 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu được ly hôn. Bị đơn ông T1 đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt, xét thấy ông T1 không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về con chung: Ông T1 và bà T có 02 con chung tên Phan Hoàng Nhật T2, sinh ngày 09/9/2015 và Phan Ngọc Thủy T3, sinh ngày 20/10/2012. Hiện tại, cháu Nhật T2 và Thủy T4 đang sống cùng bà T. Do cháu Phan Hoàng Nhật T2 còn nhỏ, dễ không ảnh hưởng tâm sinh lý và sự phát triển bình thường về sau của trẻ nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Phan Hoàng Nhật T2 cho bà Trương Thị Thu T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Đối với cháu Thủy T4, theo nguyện vọng của cháu Trúc được sống cùng mẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung Phan Ngọc Thủy T3 cho bà Trương Thị Thu T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con chung Phan Hoàng Nhật T2, Phan Ngọc Thủy T3 nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Viện kiểm sát không đặt ra xem xét.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Thu T là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận và không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Thu T về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; hiện bị đơn ông Phan Văn T1 đang thường trú tại thị trấn P, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương và nguyên đơn bà Trương Thị Thu T có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Nguyên đơn bà Trương Thị Thu T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên hòa giải, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà cho bị đơn ông Phan Văn T1, nhưng ông T1 vắng mặt trong các buổi hoà giải, phiên toà sơ thẩm và cũng không gửi văn bản nêu ý kiến cho Tòa án về việc khởi kiện yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Trương Thị Thu T. Do vậy, Tòa án căn cứ vào các Điều 5, 6, 91, 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Trương Thị Thu T và bị đơn ông Phan Văn T1 chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, hiện hai vợ chồng đã sống ly thân, nên nguyên đơn xin ly hôn với bị đơn.

[4] Theo biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện Phú Giáo ngày 15 tháng 12 năm 2020 thì ông T1 và bà T chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P. Nguyên nhân phát sinh của việc tranh chấp ly hôn giữa ông T1 và bà T thì chính quyền địa phương không nắm rõ, do đương sự giải quyết nội bộ, cũng không trình báo sự việc hay nhờ chính quyền địa phương can thiệp giải quyết và không có đơn yêu cầu. Hiện tại, bà T và ông T1 đã sống ly thân.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông T1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Trương Thị Thu T được ly hôn với bị đơn ông Phan Văn T1 theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về con chung: Theo giấy khai sinh, sổ hộ khẩu xác định ông T1 và bà T có 02 con chung tên Phan Hoàng Nhật T2, sinh ngày 09/9/2015 và Phan Ngọc Thủy T3, sinh ngày 20/10/2012.

Đối với cháu Phan Hoàng Nhật T2, do cháu Tân còn nhỏ, rất cần sự chăm sóc của người mẹ và để không ảnh hưởng tâm sinh lý, sự phát triển bình thường về sau của trẻ nên Hội đồng xét xử quyết định giao con chung Phan Hoàng Nhật T2 cho bà Trương Thị Thu T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Điều này cũng phù hợp với điều kiện nuôi dưỡng con chung của bà T.

Đối với cháu Phan Ngọc Thủy T3 đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Phan Ngọc Thủy T3 cho bà Trương Thị Thu T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Điều này cũng phù hợp với điều kiện nuôi dưỡng con chung của bà T.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Bà Trương Thị Thu T không yêu cầu ông Phan Văn T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung Nhật T2 và Thủy T4 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo tham gia phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo; Viện kiểm sát cùng cấp và Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 5, Điều 6, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 4 Điều 147 và các Điều 227, 228, 238, 266, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các Điều 58, 81, 82, 83, 84, 85, 86 và 87 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Thu T đối với bị đơn ông Phan Văn T1 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.
2. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Thu T được ly hôn với ông Phan Văn T1.
3. Về con chung:

Giao con chung Phan Ngọc Thủy T3, sinh ngày 20/10/2012 và Phan Hoàng Nhật T2, sinh ngày 09/9/2015 cho bà Trương Thị Thu T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trương Thị Thu T không yêu cầu ông Phan Văn T1 cấp dưỡng nuôi con chung Nhật T2 và Thủy T4.

Ông Phan Văn T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con không ai được ngăn cản. Vì quyền lợi của con chưa thành niên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu phù hợp quy định pháp luật.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Bà Trương Thị Thu T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí do bà Trương Thị Thu T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0043604 ngày 14 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

6. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Thời hạn kháng nghị của Viện kiểm sát cùng cấp là 15 ngày, của Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp là 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
 - VKSND tỉnh Bình Dương;
 - VKSND huyện Phú Giáo;
 - Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
 - UBND thị trấn P
- (Số: 63/2011, quyền số: 01/2011, ngày 06/06/2011)
- Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Hữu Duyên